

Số: 15/2023/QĐST - HNGĐ

Quảng Bình, ngày 18 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Thái Sơn
- *Thư ký phiên họp:* Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp:* Bà Chế Thị Bích Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2023/TLST-VDS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung”; theo Quyết định mở phiên họp số: 4117/2023/QĐ – ST ngày 03 tháng 10 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1991: Địa chỉ trước khi xuất cảnh: **Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**; Hiện cư trú tại: **A R place, M, A, New Zealand**, có đơn xin giải quyết vắng mặt.
- Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**, có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh **Trần Văn S** và chị **Nguyễn Thị T** thì nội dung như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh **Trần Văn S** và chị **Nguyễn Thị T** kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2014 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, do hoàn cảnh ở Việt Nam làm ăn khó khăn nên đến năm 2018, vợ chồng bàn bạc thống nhất để anh **S** đi xuất khẩu lao động tại New Zealand nhằm kiếm thêm thu nhập cho gia

đình. Thời gian đầu xa nhau, tình cảm vợ chồng vẫn đầm ấm hạnh phúc. Sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thiếu sự thông cảm và tin tưởng nhau về tình cảm lẫn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa. Tình trạng này diễn ra kéo dài, mặc dù hai bên cũng đã dàn xếp bỏ qua những thiếu sót của nhau nhưng vẫn không khắc phục được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần và chán ghét nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh chị thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình công nhận thuận tình ly hôn để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

- Về quan hệ con chung: anh **Trần Văn S** và chị **Nguyễn Thị T** có 02 con chung là **Trần Nguyễn Duy H**, sinh ngày 13/11/2014 và **Trần Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 13/12/2016 hiện đang ở với chị **T** và ông bà ngoại. Chị **T**, anh **S** thỏa thuận thông nhất giao cả 02 con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **S** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, anh **S** và chị **T** không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

* Tại phiên họp, anh **S** vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có xác nhận của **Đ** tại New Zealand, chị **T** vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

* Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và nuôi con chung của anh **S** và chị **T**.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh **S** và chị **T**

Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 02 con chung cho chị **T** nuôi dưỡng, anh **S** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo công văn số 17168/QLXNC-P5 ngày 06/7/2023 của **Cục Q, Bộ C** thì anh **Trần Văn S** xuất cảnh gần nhất vào ngày 06/02/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Tại đơn yêu cầu thuận tình ly hôn và

nuôi con chung, **B** tự khai có xác nhận của **Đ** tại New Zealand, anh **S** hiện đang cư trú tại New Zealand. Vì vậy, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về công nhận giấy tờ của anh **Trần Văn S** là công dân Việt Nam ở nước ngoài gửi cho Toà án: Đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Bản trình bày của anh **Trần Văn S** lập bằng tiếng Việt, có chữ ký của anh **S**, có xác nhận của **Đ** tại New Zealand. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án công nhận các văn bản của anh **S** viết và ký là hợp pháp.

[1.3] Về sự vắng mặt của anh **Trần Văn S** tại phiên họp:

[2]. Về nội dung xét đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh **Trần Văn S**, chị **Nguyễn Thị Tuyết**.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, anh **Trần Văn S** và chị **Nguyễn Thị T** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 15/7/2014 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình** là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2018, anh **S** đi xuất khẩu lao động tại New Zealand nhằm để cải thiện kinh tế cho gia đình, từ đó vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không tin tưởng và ít quan tâm đến nhau, cả hai đều cảm thấy không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn. Anh **S** và chị **T** đều thể hiện mong muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh **S**, chị **T** không đạt được, nên cần chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh **S** và chị **T** có 02 con chung là **Trần Nguyễn Duy H**, sinh ngày 13/11/2014 và **Trần Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 13/12/2016. Chị **T**, anh **S** thỏa thuận thống nhất giao cả 02 con chung cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của hai con). Anh **S** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự, việc thỏa thuận phù hợp với nguyện vọng của cháu **H** và cháu **T1**, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm quy định pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của **S** và chị **T**.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: anh **S**, chị **T** trình bày không có, không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: chị **Nguyễn Thị T** tự nguyện chịu nộp 300.000 đồng; Anh **S** phải chịu 300.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39, các Điều 149, 361, 369, 370, 371, 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh **Trần Văn S**, sinh năm 1991 và chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1996.

[2]. *Về quan hệ con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao 02 con chung là **Trần Nguyễn Duy H**, sinh ngày 13/11/2014 và **Trần Nguyễn Anh T1**, sinh ngày 13/12/2016 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **S** có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của các con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng con chung theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

[4]. *Về lệ phí ly hôn sơ thẩm*: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Nguyễn Thị Tuyết c** nộp toàn bộ 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **T** đã nộp tại biên lai số: 31/AA/2021/0005274 ngày 11/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình..

- Lệ phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **Trần Văn S** phải chịu nộp 300.000 đồng.

[5]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (18/10/2023) và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án DS tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Q, huyện Quảng Trạch;
- Lưu VP, Tòa DS;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Đã ký

Nguyễn Thái Sơn

